

BẢNG LƯƠNG THÁNG 07/2023 BAO GỒM PC TNGG (MỨC LƯƠNG 1.490.000Đ)

STT	MNV	BCV	HỌ VÀ TÊN	LOẠI	NGÁCH	BÁC	HỆ SỐ			THANH TIỀN			TRUY LÃNH				TỔNG QUỸ LƯƠNG	BHNH (0% TQL)	BHVT (0,5% TQL)	BHVN (1% TQL)	PCUD (00%)	TRUY LÃNH PCUD	TIỀN LÃNH	GHỈ CHÚC
							Lương	PC TNGK	Phụ cấp chức vụ	Lương	PC TNGK	Phụ cấp chức vụ	Lương	PC TNGK	PC khác vụ	PC TNGG								
			BIÊN CHẾ				153,62	2,04	3,30	3,97	228.885.585	3.042.282	-	4.917.000	27.590.113	357.600	-	-	-	71.348.934	107.200	308.448.271		
1	BC1	HT	LIU THI KIM THUY	A1	V.07.04.11	9	4.980		0,55	0,22	7.420.200	-	-	819.500	1.812.734	-	-	150.786	100.523	2.471.910	0	11.468.840	Hiện trường	
2	BC0	GV	NGUYỄN XUÂN HÒA	A1	V.07.04.12	9	4.980	0,697		0,35	7.420.200	1.038.828	-	-	-	2.960.660	-	-	171.295	114.197	2.537.708	0	12.758.129	
3	BC0	GV	TRẦN TRỌNG HƯÂN	A1	V.07.04.11	9	4.980	0,55		0,33	7.420.200	816.222	-	-	-	2.718.019	-	-	166.317	109.544	2.470.927	0	12.275.152	
4	BC1	GV	TRẦN THỊ XUÂN DUYÊN	A1	V.07.04.11	9	4.980	0,30	0,25	7.420.200	445.212	-	-	-	1.966.353	-	-	147.476	98.318	2.359.624	0	11.159.054		
5	BC1	GV	NGUYỄN NGỌC NGA	A1	V.07.04.11	9	4.980	0,349	0,27	7.420.200	371.010	-	-	-	2.103.627	-	-	148.423	98.948	2.337.363	0	11.193.242		
6	BC1	GV	ĐANG TIỀN KIEU NGÂN	A1	V.07.04.11	9	4.980	0,259	0,27	7.420.200	371.010	-	-	-	2.103.627	-	-	148.423	98.948	2.337.363	0	11.193.242		
7	BC1	GV	BUI THỊ KIM OANH	A1	V.07.04.11	9	4.980			0,23	7.420.200	-	-	-	1.706.646	-	-	136.903	91.268	2.226.060	0	10.394.587		
8	BC0	GV	NGUYỄN DUY SĨNH	A1	V.07.04.11	8	4.650		0,20	0,22	6.928.500	-	-	298.000	1.589.830	-	-	132.345	88.163	2.167.950	0	10.058.566	Tổ trưởng	
9	BC1	GV	TRẦN THỊ THANH THUY	A1	V.07.04.11	6	3.990		0,20	0,15	5.945.100	-	-	298.000	936.465	-	-	107.693	71.796	1.872.930	0	8.298.641	Tổ trưởng	
10	BC0	GV	HOA NAM	A1	V.07.04.11	6	3.990		0,20	0,14	5.945.100	-	-	298.000	874.034	-	-	106.757	71.171	1.872.930	0	8.242.765	Tổ trưởng	
11	BC0	GV	NGUYỄN VĂN THẬP	A1	V.07.04.11	4	3.660		0,20	0,13	5.453.400	-	-	298.000	747.682	-	-	97.486	64.991	1.725.420	0	7.542.098	Tổ trưởng	
12	BC0	GV	CHU CÔNG CUÔNG	A1	V.07.04.11	5	3.660			0,13	5.453.400	-	-	-	708.942	-	-	92.435	61.623	1.636.020	0	7.151.317		
13	BC0	GV	DINH DUY TÂM	A1	V.07.04.03	4	3.660			0,13	5.453.400	-	-	-	708.942	-	-	92.435	61.623	1.636.020	0	7.151.317		
14	BC1	GV	TRẦN THỊ HỒNG TRANG	A1	V.07.04.11	4	3.660		0,45	0,12	5.453.400	-	-	670.500	734.868	-	-	102.882	68.588	1.837.170	0	7.975.767	Phó HT	
15	BC1	GV	NGUYỄN THỊ THUY CH	A1	V.07.04.11	4	3.330		0,20	0,10	4.961.700	-	-	298.000	525.970	-	-	86.785	57.857	1.577.910	0	6.756.084	Tổ trưởng	
16	BC1	GV	NGUYỄN NGỌC THẢO LOAN	A1	V.07.04.11	4	3.330			0,10	4.961.700	-	-	-	496.170	-	-	81.868	54.579	1.488.510	0	6.373.303		
17	BC0	GV	LÊ QUỐC THẮNG	A1	V.07.04.11	3	3.000			0,07	4.470.000	-	-	-	312.900	-	-	71.744	47.829	1.341.000	0	5.821.695		
18	BC0	GV	NGÔ QUANG VIỆT	A1	V.07.04.11	3	3.000			0,06	4.470.000	-	-	-	268.200	-	-	71.073	47.382	1.341.000	0	5.581.689		
19	BC1	GV	HOANG THỊ THANH THUY	A0	V.07.04.12	6	3.650			0,16	5.438.500	-	-	-	870.160	-	-	94.630	61.087	1.631.550	0	7.277.800		
20	BC0	GV	ĐƯƠNG QUỐC TOÀN	A1	V.07.04.03	5	3.660		0,15	0,14	5.453.400	-	-	223.500	794.766	-	-	97.075	64.717	1.703.070	0	7.492.211	Tổ phó	
21	BC1	GV	ĐÀO THỊ HUE	A0	V.07.04.12	3	2.720		0,15		4.052.800	-	-	223.500	-	-	-	64.145	42.703	1.282.890	0	5.110.178	Tổ phó	
22	BC1	GV	ĐANG THỊ MINH	A1	V.07.04.03	2	2.670		0,20	0,08	3.978.300	-	-	298.000	342.104	-	-	69.276	46.184	1.282.890	0	5.416.362	Tổ trưởng	
23	BC1	GV	HA THỊ THƠM	A1	V.07.04.03	2	2.670				3.978.300	-	-	-	-	-	-	59.675	39.783	1.193.490	0	4.754.068		
24	BC1	GV	NGUYỄN THỊ LAN CH	A1	V.07.04.03	2	2.670				3.978.300	-	-	-	-	-	-	59.675	39.783	1.193.490	0	4.754.068		
25	BC1	GV	TRẦN THỊ HOA MY	A1	V.07.04.03	2	2.670				3.978.300	-	-	-	-	-	-	59.675	39.783	1.193.490	0	4.754.068		
26	BC1	GV	ĐOÀN THỊ BÌNH	A1	V.07.04.03	2	2.670				3.978.300	-	-	-	-	-	-	59.675	39.783	1.193.490	0	4.754.068		
27	BC1	GV	BUI THỊ THẢO	A1	V.07.04.03	2	2.670				3.978.300	-	-	-	-	-	-	59.675	39.783	1.193.490	0	4.754.068		
28	BC1	GV	TRẦN THỊ BẢO NHƯC	A0	V.07.04.12	2	2.610				3.590.900	-	-	-	-	-	-	59.675	39.783	1.077.270	0	4.291.125		
29	BC0	GV	PHẠM BÌNH NGHĨA	A1	V.07.04.03	2	2.670				3.978.300	-	-	-	-	-	-	59.675	39.783	1.193.490	0	4.754.068	Tổ phó - Ngặt Thuận an từ tháng 06/2023	
30	BC1	GV	NGUYỄN THỊ HIỀN	A1	V.07.04.03	2	2.670				3.978.300	-	-	-	-	-	-	-	-	1.260.560	0	1.260.560		
31	BC1	GV	HOANG THỊ QUỲNH TRANG	A0	V.07.04.12	2	2.670				3.590.900	-	-	-	-	-	-	-	-	1.077.270	0	1.077.270	Ngặt Thuận an từ tháng 02/2023	
32	BC1	GV	NGUYỄN HOANG LAM THAO	A1	V.07.04.03	2	2.670				3.978.300	-	-	-	-	-	-	59.675	39.783	1.193.490	0	4.754.068		

STT	NNV	MCV	HỌ TÊN	LOẠI	NGẠCH	BẮC	HỆ SỐ			THÀNH TIỀN			TRUY LÃNH				TỔNG QUÝ LƯƠNG	BHXH (8% TQL)	BHYT (1,5% TQL)	BHVN (1% TQL)	PCUD (30%)	TRUY LÃNH PCUD	TIỀN LÃNH	GHI CHÚ		
							Lương	PC TNLK	Phụ cấp chức vụ	Lương	PC TNLK	B. lưn	Phụ cấp chức vụ	PC TNLG	Lương	PC TNLK									PC chức vụ	PC TNLG
33	BC1	GV	NGO THI LY	A0	V.07.04.12	2	2.410		3.590.900	-	-	-	-	-	-	-	3.590.900	287.272	53.864	35.909	1.077.270	0	4.291.125			
34	BC0	GV	ĐO VIỆT ĐỨC	A1	V.07.04.032	1	2.340		3.486.600	-	-	-	-	-	-	-	3.486.600	278.928	52.299	34.866	1.045.980	0	4.166.487			
35	BC0	GV	TRAN NGOC THUAN	A1	V.07.04.032	1	2.340		3.486.600	-	-	-	-	-	-	-	3.486.600	278.928	52.299	34.866	1.045.980	0	4.166.487			
36	BC1	GV	NGUYEN THI THUY NHUNG	A1	V.07.04.032	1	2.340	0,15	3.486.600	-	-	-	223.500	-	-	-	3.710.100	296.808	55.652	37.101	1.113.030	0	4.433.560	Tổ phó		
37	BC1	GV	BUI THI NGOC TUYEN	A1	V.07.04.032	1	2.340		3.486.600	-	-	-	-	-	-	-	3.486.600	278.928	52.299	34.866	1.045.980	0	4.166.487			
38	BC1	GV	PHAM THI ANH TUYET	A1	V.07.04.032	1	2.340		3.486.600	-	-	-	-	-	-	-	3.844.200	307.536	57.663	38.442	1.045.980	107.280	4.593.819	Đã làm hết từ 01/06/2023		
39	BC1	GV	LE THI LAN	A1	V.07.04.032	1	2.340		3.486.600	-	-	-	-	-	-	-	3.486.600	278.928	52.299	34.866	1.045.980	0	4.166.487			
40	BC1	SV	LAO THI LOAN	A1	01.0003	5	3.660	0,20	5.453.400	-	-	-	298.000	-	-	-	5.751.400	460.112	86.271	57.214	-	-	5.147.903	Tổ trưởng		
41	BC1	NV	NGUYEN NGOC QUYNH TRAM	B	02.0008	4	2.460		3.665.400	-	-	-	-	-	-	-	3.665.400	293.232	54.981	36.654	-	-	3.280.533			
42		V	NGUYEN THUY AN	A1	V.07.04.11	4	3.330	0,09	4.961.700	-	-	-	-	446.553	-	-	5.408.253	432.660	81.124	54.083	1.488.510	0	6.328.896	Ngồi đau sức từ tháng 03/2023		
43	BC1	GV	NGO VO HA NA	A1	V.07.04.11				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.488.510	0	3.541.516	
44	BC1	GV	PHAN THI XUAN BINH	A1	V.07.04.32	1	1.989		2.963.610	-	-	-	-	-	-	-	2.963.610	237.089	44.453	29.635	889.083	0	3.541.516			
45	BC0	GV	LU VAN NAM	A0	V.07.04.32	1	1.989		2.963.610	-	-	-	-	-	-	-	2.963.610	237.089	44.453	29.635	889.083	0	3.541.516			
46	BC0	GV	DO QUANG TRUNG	A0	V.07.04.32	1	1.989		2.963.610	-	-	-	-	-	-	-	2.963.610	237.089	44.453	29.635	889.083	0	3.541.516			
47	BC0	GV	BUI ANH TRANG	A0	V.07.04.32	1	2.340		3.486.600	-	-	-	-	-	-	-	3.486.600	278.928	52.298	34.865	1.045.980	0	4.166.489			
48	BC0	GV	HUYNH ANH KET	A0	V.07.04.32	2	2.2695		3.381.555	-	-	-	-	-	-	-	3.381.555	270.524	50.722	33.815	1.014.467	0	4.040.961			
49	BC1	GV	VO LE KIEU LAM	A0	V.07.04.32	1	1.989		2.963.610	-	-	-	-	-	-	-	2.963.610	237.089	44.453	29.635	889.083	0	3.541.516			
50	BC1	GV	LE THI VIET ANH	A1	V.07.04.11	9	4.980	0,45	7.420.500	-	-	-	1.860.861	-	-	-	9.951.561	796.125	149.272	99.515	2.427.210	0	11.333.859	Phó HT		
51	BC1	NV	HO THI NHU MAI		V.10.02.07	1	1.581		2.355.690	-	-	-	-	-	-	-	2.355.690	188.455	35.334	23.556	-	-	2.108.345			
			HUY DINH LAM						9.360.000	-	-	-	-	-	-	-	9.360.000	748.800	140.400	93.600	-	-	8.377.200			
52	HD	NV	NGUYEN THU YEN	0					4.680.000	-	-	-	-	-	-	-	4.680.000	374.400	70.200	46.800	-	-	4.188.600			
53	HD	NV	MAI HUNG TIEN	0					4.680.000	-	-	-	-	-	-	-	4.680.000	374.400	70.200	46.800	-	-	4.188.600			
TỔNG KẾT							153.617	2.042	3.300	3.970			27.590.113	357.600	0	0	0	274.155.580	21.832.446	4.112.330	2.741.547		71.348.934	107.280	316.825.471	
NHÂN SỰ							BC	TS	HD	BCH	GV	CNV		NAM			NƯ									
							51	0	2			5		17			34									

Số tiền bằng chữ: Ba trăm mười sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi mốt đồng chẵn.

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Cẩm Tú

